

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HS-ST
Ngày 26-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Ông Đinh Công Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác: Không; sinh năm 1988 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp Kênh 13, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn X (đã chết); mẹ: Lê Thị H, sinh năm 1957; Tiền sự: Không;

Tiền án: 02

- Tại Bản án số 11/2011/HS – ST ngày 25/02/2011 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân thị xã M), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án số 14/2019/HSST ngày 29/01/2019 Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân:

Tại bản án số 30/2010/HSST ngày 28/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân thị xã M), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt Nguyễn Văn Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại Bản án số 131/2014/HSST ngày 17/4/2014 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xử phạt Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt ngày 12 tháng 12 năm 2020 (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Thịnh Văn C, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ 13, khu phố T, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 13 giờ ngày 12/12/2020, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 66GA-010.31 đi tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài và sử dụng ma túy. Khi đến công trình đang xây dựng của anh Thịnh Văn C tại khu phố T, phường X, thị xã M, Đ phát hiện có 06 (sáu) cây sắt Hòa Phát loại Fi 14 dài 11,7m; 01 (một) cây sắt vuông 3 cm dài 2,7m; 01 (một) cây sắt vuông 3 cm dài 1,6m để dưới nền đất không người trông coi. Đ lấy toàn bộ số sắt trên chằng buộc sau xe mô tô rồi chở đến tiệm phế liệu “K” thuộc khu phố N, phường D, thị xã M bán thì bị anh C truy hô cùng người dân bắt giữ quả tang Đ cùng tang vật.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 221/KL-HĐ.ĐGTS ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã M kết luận: 06 cây sắt Hòa Phát loại sắt Fi 14, dài 11,7m, nặng 14,16kg/cây có giá: 185.000 đồng/cây, tổng là 1.110.000 đồng; 02 đoạn sắt hộp vuông 3 (3x3cm), một đoạn dài 2,7m, một đoạn dài 1,6m, với khối lượng 6,1kg có giá: 16.000 đồng/kg, tổng 97.600 đồng. Tổng giá trị toàn bộ sắt mà Đ trộm cắp của anh C là 1.207.600 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với số sắt thu giữ quả tang, đây là tài sản hợp pháp của ông C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông C theo Quyết định xử lý vật chứng số 11/QĐ ngày 15/01/2021.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 66GA-010.31 do Đ sử dụng để làm phương tiện phạm tội đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã M bảo quản chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Thịnh Văn C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 10 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 173; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn Đ mức án tù 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Thịnh Văn C không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giao trả lại chiếc xe máy hiệu DAELIMICKD50, biển số 66GA-010.31 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an thị xã M để tiếp tục điều tra xác minh chủ sở hữu, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa, Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về luận tội của kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét Hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của Nguyễn Văn Đ phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 12 tháng 12 năm 2020, Nguyễn Văn Đ đã có Hành vi lén lút lấy trộm 06 cây sắt Hòa Phát loại Fi 14, dài 11,7m và 02 cây sắt vuông 3cm dài 2,7m tại công trình xây dựng của ông Thịnh Văn C thuộc khu phố T, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số sắt Đ trộm cắp có tổng giá trị là 1.207.600 đồng. Tuy nhiên vào năm 2019 tại Bản án số 14/2019/HSST ngày 29/01/2019 Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xử phạt Nguyễn Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích mà nay tiếp tục vi phạm.

Do đó hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Tại Bản án số 11/2011/HS - ST ngày 25/02/2011 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân thị xã M), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt Nguyễn Văn Đ 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa thi hành xong phần án phí đối với bản án này do đó lần phạm tội này được xem là tái phạm, cần áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, số tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại nên chưa phát sinh thiệt hại do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu

[4] Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, đã nhiều lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để tự cải tạo, trở thành người công dân sống có ích cho gia đình, xã hội mà vì bản tính tham lam, muốn hưởng lợi trên thành quả lao động của người khác nên sau khi ra tù lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đối với bị cáo cần có mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Thịnh Văn C không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe máy hiệu DAELIMICKD50, số máy VZS139FMB-047274, màu đỏ đen, biển số 66GA-010.31. Nguyễn Văn Đ sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản nhưng quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Đ không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh quyền sở hữu của mình đối với chiếc xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M chưa xác minh được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao lại chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M để tiếp tục điều tra, xác minh chủ sở hữu, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 173; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm h, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm tù; thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M 01 (Một) xe máy hiệu DAELIMICKD50, số máy VZS139FMB-047274, màu đỏ đen, biển số 66GA-010.31 để tiếp tục điều tra, xác minh chủ sở hữu hợp pháp.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 58/BB-CCTHADS ngày 11/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M và Chi cục Thi Hành án Dân sự thị xã M)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc Nguyễn Văn Đ nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã M;
- Công an thị xã M;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thu Hiền